TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16- 3- 2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Phan Tân – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thị T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Ln Yu L**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 114 lộ Hướng Thiện, khóm 003, Hướng Thiện, Phố Lý, Nam Đầu, Đ.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn bà Thị T trình bày:

Năm 2015, bà và ông Ln Yu L quen biết nhau qua mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/8/2015. Sau khi kết hôn, ông Ln Yu L làm thủ tục bảo lãnh bà sang Đài Loan đoàn tụ nhưng do việc bảo lãnh không thành nên ông L không còn quan tâm và Lên lạc với bà. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa bà và ông Ln Yu L không thể duy trì chung sống với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Ln Yu L.

Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Ln Yu L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Thị T theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Thị T với bị đơn ông Ln Yu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Thị T có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Ln Yu L vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Thị T và ông Ln Yu L.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Thị T và ông Ln Yu L là hôn nhân hợp pháp, thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn bà Thị T cho rằng sau khi kết hôn việc bảo lãnh không thành, bất đồng ngôn ngữ và khoảng cách địa lý nên ông bà đã không còn Lên lạc với nhau từ năm 2015 đến nay. Đối với ông Ln Yu L Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà Thị T.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Thị T và ông Ln Yu L hai bên đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện tại bà Thị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của bà T và ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị T với ông Ln Yu L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Thị T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0003040 ngày 13/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[4]. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư Lên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

Phí ủy thác tư pháp: Bà Thị T phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002577 ngày 24/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị T về việc xin ly hôn đối với bị đơn ông Ln Yu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T được ly hôn với ông Ln Yu L.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Thị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0003040 ngày 13/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp:

Phí ủy thác tư pháp: Bà Thị T phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002577 ngày 24/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Ln Yu L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường